

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 28/HNGĐ-ST
Ngày 04-05-2020
V/v “Xin ly hôn và nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Trung và ông Nguyễn Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Cảnh, là thư ký Tòa án nhân dân Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B không tham gia.

Ngày 04 tháng 05 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 793/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2019 về việc: “Xin ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 13/2020/QĐXX-ST ngày 11/02/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 12 ngày 27 tháng 02 năm 2020 và Thông báo hoãn phiên tòa (tránh dịch bệnh) số: 187/TB-TA ngày 01 tháng 04 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1988; Trú tại: xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; (có mặt);

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Trung T, sinh năm 1976; Trú tại: xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án nhân dân Thành phố B, bà N trình bày:*

Tôi và ông T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở yêu thương tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 25/5/2015 tại UBND xã Q, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Trong thời gian chung sống, vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T thường hay cờ bạc, không chung thủy và không có trách nhiệm gì đến gia đình vợ con. Từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nữa, nên chúng tôi đã ly thân nhau từ tháng 03-2019.

Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể hàn gắn được nữa, nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn ông T.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Trung Gia B, sinh ngày 20/01/2015, tôi xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bảo đến khi cháu B đủ 18 tuổi. Không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

- *Về tài sản và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Mặc dù, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý, giấy triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vẫn cố tình lẩn tránh, nên Tòa án không ghi được ý kiến của bị đơn và đưa vụ án ra xét xử tại phiên tòa.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* *Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả cuộc thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về tố tụng*: Đây là vụ án: “Xin ly hôn và nuôi con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình.

- Bị đơn (ông T), đã được Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột, tổng đạt, niêm yết giấy triệu tập đương sự hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; Áp dụng Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 232 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn, theo thủ tục quy định chung.

[2] *Về nội dung tranh chấp*:

[2.1] *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T đến với nhau bằng tình cảm yêu thương tự nguyện và có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian đầu sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng và quan tâm gì tới nhau, ông bà đã cố gắng khắc phục và đã nhiều lần được gia đình, anh em, bạn bè khuyên giải và chính quyền địa phương can thiệp, nhưng không có kết quả. Từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nữa, nên ông bà đã ly thân nhau từ tháng 03-2019 cho đến nay. Nay, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông T. Điều này chứng tỏ rằng: Tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông T, đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể hàn gắn được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của bà N cần được chấp nhận, phù hợp với Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] *Về con chung*: Ông bà có 01 con chung là: Cháu Nguyễn Trung Gia B, sinh ngày 20/01/2015, bà N luôn có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bảo, đến khi cháu Bảo đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong suốt quá trình

giải quyết, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần, nhưng ông T vẫn cố tình vắng mặt. Vì thế, Tòa án không ghi được ý kiến của ông T về yêu cầu này của nguyên đơn. Qua xem xét hồ sơ vụ án cho thấy: Ông T không có trách nhiệm gì đến gia đình và con cái. Do vậy, nghĩ để cuộc sống của cháu B được đảm bảo thì cần giao cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu B đủ 18 tuổi là phù hợp với Điều 69, 70, 71, 72 Luật hôn nhân gia đình và Điều 12 Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[2.4] *Về tài sản và nợ chung*: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[3] *Về án phí*: Áp dụng Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, thì bà N phải chịu án phí HNGĐ-ST là: 300.000đồng.

- *Vì các lẽ trên*;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1,2,3 Điều 144; 145; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; Điều 54; khoản 1 Điều 56; Điều 69, 70, 71, 72 Luật hôn nhân gia đình và Điều 12 Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

- Áp dụng Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

** Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn và nuôi con chung của chị Lê Thị N.*

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho bà Lê Thị N được ly hôn ông Nguyễn Trung T.

2. Về con chung: Giao cho bà Lê Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trung Gia B, sinh ngày 20/01/2015, đến khi cháu Bảo đủ 18 tuổi.

Ông T được quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

4. *Về tài sản và nợ chung:* Bà N không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

5. *Về án phí:* Bà N phải chịu án phí HNGĐ-ST là 300.000đồng, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000đồng theo biên lai số AA/2019/0004890 ngày 27 - 09 - 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Buôn Ma Thuột.

6. *Về quyền kháng cáo:*

- Bà N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.
- Ông T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKS TP.B;
- CCTHA DS TP.B;
- UBND xã Q, Huyện N,
tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu H.sơ;

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị An